**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 VÒNG II**

**LONG AN** Môn thi**: ĐỊA LÍ**

Ngày thi: **13/10/2017**

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

Thời gian: 180 phút (không kể thời gian phát đề)

***------------------------------------***

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

***(Đáp án gồm 07 câu 05 trang)***

***(Thí sinh làm theo cách riêng nhưng đảm bảo yêu cầu trong hướng dẫn chấm thì giám khảo vẫn cho trọn điểm)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I**  **(3,0 điểm** | **1** | **Trong khu vực hoạt động của gió Mậu Dịch vẫn có các hoàn lưu gió mùa và gió địa phương hoạt động vì:**  - Gió Mậu Dịch hoạt động chủ yếu trong phạm vi vùng nội chí tuyến. Trong khu vực này ngoài hoạt động của gió Mậu dịch còn có các hoàn lưu gió mùa và gió địa phương hoạt động.  - Nguyên nhân: Do có các vành đai khí áp phân bố xen kẽ nhau dẫn đến xuất hiện các loại gió khác nhau  + Khí áp trong khu vực này còn thay đổi theo chuyển động biểu kiến của Mặt trời. (diễn giải: Mùa Hạ, Mùa đông......)-> xuất hiện gió mùa hoạt động.  + Sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương. Sự hấp thụ và tỏa nhiệt của lục địa và địa dương khác nhau dẫn đến chế độ nhiệt khác nhau và kéo theo khí áp cũng thay đổi theo ngày đêm sinh ra gió đất, gió biển. Ngoài ra còn do ảnh hưởng của địa hình-> gió fơn. (Gió địa phương) | **1.5**  0.25  0.25  0.5  0.5 |
| **2** | **Chứng minh địa hình là một trong những nhân tố quan trọng tác động đến chế dộ nước sông trên thế giới.**  - Miền núi nước sông chảy nhanh do địa hình dốc, sau mỗi trận mưa to, nước dồn về các sông, suối gây lũ.  - Miền núi phần lớn đất đá ít thấm nước nên chế độ nước sông ở đây không điều hòa.  - Sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió mưa ít nên chế độ sông ở hai sườn khác nhau.  - Đồng bằng do địa hình bằng phẳng nên nước sông chảy chậm.  - Đồng bằng do phù sa bồi đắp, có tầng đất dày nên thấm nước nhiều, có nhiều hồ, đầm nên điều hoà chế độ nước sông. | **1.5**  0.25  0.25  0.25  0.25  0.5 |
| **II**  **(2,0 điểm** | **1** | DÂN SỐ NƯỚC TA PHÂN THEO NHÓM TUỔI   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 0-14 | | 15-59 | | Trên 60 | | Tổng  (triệu người) | | Số dân  (triệu người) | Tỷ lệ  (%) | Số dân  (triệu người) | Tỷ lệ  (%) | Số dân  (triệu người) | Tỷ lệ  (%) | | 1999 | 25,7 | 33,5 | 44,7 | **58,3** | **6,3** | **8,2** | **76,7** | | 2010 | **23,1** | **26,4** | **56,7** | 64,9 | 7,6 | 8,7 | **87,4** |   *(Thí sinh có thể không cần ghi tổng số dân vào bảng)*  Nhận xét:  - Quy mô dân số nước ta có sự gia tăng (dẫn chứng)  - Cơ cấu nhóm tuổi có sự thay đổi theo xu hướng giảm nhóm tuổi từ 0 -14 và tăng nhóm tuổi từ 15 – 59 và trên 60 tuổi. (dẫn chứng) | 0.5  0.25  0.25 |
|  | **2** | **Quy mô dân số đông, những cơ hội và thách thức trong việc phát triển kinh tế - xã hội.**  - Cơ hội:  + Dân số là động lực quan trọng để phát triển kinh tế  + Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.  - Thách thức:  + Trong điều kiện của nước ta hiện nay, số dân đông lại là một trở ngại lớn cho việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.  + Gây sức ép rất lớn đến vấn đề việc làm, y tế, văn hóa, giáo dục… | **1.0**  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **III**  **(3,0 điểm** | **1** | **- Đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc.**  + Nằm ở tả ngạn sông Hồng với 4 cánh cung núi lớn, chụm lại ở Tam Đảo, mở ra về phía bắc và phía đông: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.  + Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích của vùng.  + Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.(dẫn chứng)  + Theo hướng các dãy núi là hướng vòng cung của các thung lũng sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam…  **- Hướng địa hình vùng núi Đông Bắc ảnh hưởng đến khí hậu của vùng:**  + Mùa đông, gió mùa Đông Bắc tràn về các cánh cung hút gió làm cho mùa đông đến sớm và kết thúc muộn.  + Mùa hạ do cánh cung Đông Triều quay mặt lồi về phía đông nam, gió mùa Đông Nam từ biển thổi vào gây mưa nhiều ở sườn đón gió và mưa ít ở các sườn khuất gió. | **1.0**  0.25  0.25  0.25  0.25  **0.5**  0.25  0.25 |
|  | **2** | **Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ có gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh nhất so với các vùng khác ở nước ta.**  - Gió Fơn Tây Nam ở Bắc Trung Bộ thổi theo từng đợt, mạnh nhất từ tháng V đến tháng VII, thời tiết đặc trung rất khô và nóng.  - Nguồn gốc là khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương.  - Bắc Trung Bộ là nơi hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển gió fơn Tây Nam.  + Vào mùa hạ áp thấp Bắc Bộ phát triển mạnh đã hút gió từ phía tây tạo thuận lợi để khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương vượt dãy Trường Sơn thổi tới Bắc Trung Bộ theo hướng Tây Nam.  + Bắc Trung Bộ là khu vực hẹp ngang, phần lớn là các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam vuông góc với hướng gió đã tạo nên tính chất khô nóng cho loại gió này.  + Phía đông là đồng bằng ven biển với tính chất khô nóng của cát, thực vật kém phát triển… đã làm tăng mức độ khô nóng của gió Tây. | **1.5**  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **IV**  **(3,0 điểm** | **1** | **\* Chứng minh sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây thể hiện rõ nét ở vùng đồi núi nước ta.**  - Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông – Tây ở vùng đồi núi rất phức tạp, chủ yếu do tác động của gió mùa và hướng của các dãy núi.  - Đông Bắc: thiên nhiên mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa.  - Tây Bắc: vùng núi thấp phía nam cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới gió mùa và vùng núi cao Tây Bắc cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới.  - Khi Đông Trường Sơn đón gió từ biển thổi vào tạo nên mùa mưa vào thu đông thì Tây Nguyên lại là mùa khô. Còn khi Tây Nguyên vào mùa mưa thì Đông Trường Sơn nhiều nơi chịu tác động của gió Tây khô nóng.  **\* Ý nghĩa sự phân hóa thiên nhiên theo Đông – Tây đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp nước ta:**  - Vùng biển và thềm lục địa thuận lợi cho đoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.  - Vùng đồng bằng ven biển thuận lợi trồng lúa và các cây công nghiệp hàng năm, chăn nuôi gia súc, gia cầm…  - Vùng đồi núi có nhiều thế mạnh phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn, trồng rừng.  - Sự phân hóa thiên nhiên theo hướng Đông – Tây đã cho phép nước ta phát triển một nền nông nghiệp với cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ đa dạng. | **1.0**  0.25  0.25  0.25  0.25  **1.0**  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **2** | **Giải thích sự khác nhau về loài thực vật ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với Nam Trung Bộ và Nam Bộ:**  - Sự khác nhau:  + Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ: Trong rừng nhiều loài nhiệt đới chiếm ưu thế ngoài ra còn có các loài cận nhiệt và ôn đới(*dẫn chứng)*  + Miền Nam Trung Bộ và Trung Bộ: Loài nhiệt đới, xích đạo chiếm ưu thế *( dẫn chứng).*  - Giải thích:  + Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. Có sự di cư của các loài từ Hoa Nam xuống.  + Miền Nam Trung Bộ và Trung Bộ: Có khí hậu cận xích đạo gió mùa. Các loài nguồn gốc Mã Lai – Inđônêxia, Ấn Độ - Mianma đến. | **1.0**  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **V**  **(3,0 điểm** | **1** | **Chứng minh sự phân bố dân cư của nước ta chưa có sự hợp lí ngay cả trong khu vực đồng bằng.**  - Đồng bằng tập trung 75% dân số cả nước với mật độ dân số cao.  - Có sự phân hoá khác nhau về mật độ dân số của từng khu vực đồng bằng (mật độ dân số cao nhất ở đồng bằng sông Hồng, sông cửu Long, thấp nhất đồng bằng ven biển miền Trung) cũng như trong nội bộ từng vùng.  - Đồng bằng sông Hồng:  + Mật độ dân số cao nhất ở khu vực trung tâm và ven biển phía Đông và Nam phổ biến từ 1001 đến 2000 người/km­2 .  + Rìa phía tây và đông bắc tiếp giáp với trung du mật độ thấp hơn phổ biến 201 đến 500 người/ km­2. ­  - Đồng bằng sông Cửu Long:  + Mật độ tập trung cao nhất ở ven sông Tiền, sông Hậu phổ biến từ 501 đến 1000 người/ km­2 .  + ­Hà Tiên, vùng trũng Đồng Tháp Mười, bán đảo Cà Mau thấp hơn phổ biến 50 đến 200 người/ km­2.  - Đồng bằng ven biển miền Trung:  + Mật độ ở phía Đông phổ biến từ 101 đến 500 người/ km­2.  + Ở phía Tây mật độ thấp hơn phổ biến 50 đến 100 người/ km­2. | **2.0**  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **2** | **Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện nay của nước ta có tác động gì đến vấn đề việc làm?**  - Thực hiện việc đa dạng hoá hoạt đông kinh tế nông thôn phát triển nền nông nghiệp hàng hoá.  - Đồng thời phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn nhằm giải quyết việc làm ở nông thôn một cách vững chắc.  - Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở thành thị nhất là các ngành cần nhiều lao động nhằm tạo thêm nhiều việc làm mới.  - Kết hợp với phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng nhằm góp phần tạo việc làm và nâng cao năng suất lao động. | **1.0**  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **VI**  **(3,0 điểm** | **1** | **\* Nhận xét về tình hình khách du lịch và doanh thu du lịch ở nước ta.**  - Từ 1995 đến 2007 số khách du lịch và doanh thu du lịch đều tăng (dẫn chứng)  - Doanh thu tăng nhanh hơn so với tốc độ tăng khách du lịch.  - Từ 2000 đến 2007 cơ cấu khách DL đến VN có sự thay đổi:  + Tăng nhanh tỉ trọng khách: ĐNA, NB, HQ, HK, ÚC (dẫn chứng)  + Giảm tỉ trọng khách: TQ, ĐL, quốc gia khác (dẫn chứng)  + Tỉ trọng khách từ Pháp, Anh tỉ lệ nhỏ và ít chuyển biến.  - Khách đến nước ta đông nhất là TQ 🡪 HQ 🡪 NB 🡪HK🡪Đài Loan 🡪Úc🡪 Pháp 🡪 Anh, còn lại là quốc gia khác (dẫn chứng)  \* **Nước ta có nhiều tiềm năng phát triển du lịch biển:**  + Ven biển: nước ta có 3260 km đường bờ biển, với nhiều bãi biển đẹp, nhiều đảo …..cảnh đẹp còn hoang sơ có giá trị về du lịch.  + Khí hậu: Nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch diễn ra quanh năm, đặc biệt là miền Trung, miền Nam.  - Mức sống, nhu cầu thị trường tăng.  - Nguyên nhân khác: chính sách, an ninh, nguồn lao động, cơ sở vật chất kĩ thuật hạ tầng… | **1.0**  0.25  0.25  0.25  0.25  **1.0**  0.25  0.25  0.25  0.25 |
|  | **2** | **Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu giá trị nhập khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta giai đoạn 1995 – 2010**.  - Nhận xét:  + Cơ cấu giá trị nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 1995 – 2010 tăng nhóm tư liệu sản xuất, giảm nhóm hàng tiêu dùng(d/c)  + Trong cơ cấu hàng nhập khẩu tư liệu sản xuất chiếm tỉ trọng chủ yếu, hàng tiêu dùng nhập ít.(d/c)  - Giải thích:  + Nước ta nhập nhiều tư liệu sản xuất vì nước ta đang tiến hành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.  + Hàng tiêu dùng nhập ít chỉ để đáp ứng một phần nhu cầu nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. | **1.0**  0.25  0.25  0.25  0.25 |
| **VII**  **(3,0 điểm** | **1** | **So sánh điều kiện phát triển ngành thuỷ sản của Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ.**  **\* Giống nhau:**  - Tất cả các tỉnh đều giáp biển, vùng biển rộng lớn với nhiều bãi cá, bãi tôm, các hải sản thuận lợi phát triển ngành thuỷ sản.  - Có nhiều đầm phá thuận lợi nuôi trồng thuỷ sản.  - Người dân có nhiều kinh nghiệm trong việc nuôi trồng đánh bắt.  - Có nhiều cơ sở chế biến thuỷ sản và thị trường tiêu thụ rộng lớn.  - Chính sách dầu tư và phát triển ngành thuỷ sản của Nhà nước.  **\* Khác nhau:**  - Bắc Trung bộ: Biển nông chủ yếu đánh bắt ven bờ, không có các ngư trường lớn.  - Nam Trung bộ:  + Biển sâu thuận lợi đánh bắt xa bờ, có các ngư trường lớn như: Hoàng Sa, Trường Sa, Cực Nam Trung Bộ.  + Có nhiều vũng vịnh kín gió thuận lợi nuôi trồng thuỷ sản nước mặn hơn vùng Bắc Trung Bộ. | **2.0**  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25  0.25 |
|  | **2** | **Việc trồng cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên có ý nghĩa to lớn không những về mặt kinh tế - xã hội mà cả về mặt môi trường**.  - Kinh tế: Tăng sản lượng nông phẩm phục vụ cho nhu cầu trong nước, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và nguồn hàng xuất khẩu để thu ngoại tệ.  - Xã hội: Tạo việc làm, tăng thu nhập cải thiện cuộc sống cho người lao động của địa phương.  - Môi trường:  + Trồng cây công nghiệp lâu năm thực chất là trồng rừng, nếu như đảm bảo đúng các biện pháp kĩ thuật.  + Điều hòa khí hậu, nguồn nước, hạn chế xói mòn. | **1.0**  0.25  0.25  0.25  0.25 |

----------HẾT----------